

Bản án số: 02/2024/HS- ST
Ngày: 04- 01- 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH P THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phùng Văn Thị
- Bà Nguyễn Thị Bích Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hoà- Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2023/TLST- HS ngày 30 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quang P- sinh ngày 01 tháng 10 năm 1980 tại huyện T, tỉnh P Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu 14, xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 26/12/2023; con ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; có vợ là Vi Thị Th, sinh năm 1988 và 03 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

- Về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2014/HSST, ngày 24/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P Thọ xử phạt Nguyễn Quang P 8.000.000đ về tội “Đánh bạc” và phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Nguyễn Quang P đã nộp tiền phạt và án phí ngày 21/11/2014.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/11/2023 đến ngày 01/01/2024; hiện tại ngoại tại xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ. Có mặt.

2. Vi Hữu T1 - sinh ngày 10 tháng 6 năm 1984 tại huyện T, tỉnh P Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Hữu T2, sinh năm 1958 và bà Vi Thị D, sinh năm 1953); có vợ là Đào Hải H1, sinh năm 1985 và 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không.

- Về nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 138, ngày 26/7/2017 của Công an huyện T, tỉnh P Thọ xử phạt Vi Hữu T1 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Vi Hữu T1 nộp tiền phạt ngày 31/7/2017.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/11/2023 đến ngày 03/01/2024; hiện tại ngoại tại xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ. Có mặt.

3. Vi Ngọc S - sinh ngày 30 tháng 4 năm 1971 tại huyện T, tỉnh P Thọ; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký HKTT: Khu 11, xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ; chỗ ở hiện nay: Khu 13, xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn H2 và bà Nguyễn Thị B (đều đã chết); có vợ là Vi Thị V, sinh năm 1975 và 02 con (lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/11/2023 đến ngày 03/01/2024; hiện tại ngoại tại xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ. Có mặt.

4. Nguyễn Đăng K - sinh ngày 08 tháng 10 năm 1973 tại huyện T, tỉnh P Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu A, xã V, thị xã P, tỉnh P Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Kh, sinh năm 1935 và bà Trần Thị T3 (đã chết); có vợ là Phạm Thị Thu H3, sinh năm 1973 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không.

- Về nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2008/HSST, ngày 27/3/2008 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P Thọ xử phạt Nguyễn Đăng K 03 tháng 03 ngày tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam và phải nộp 50.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Nguyễn Đăng K chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2008 và nộp án phí ngày 06/8/2008.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2013/HSST, ngày 29/11/2013 của Tòa án quân sự khu vực 2, Quân khu 2 xử phạt Nguyễn Đăng K 12.000.000đ về tội “Đánh bạc” và phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Nguyễn Đăng K nộp án phí ngày 29/11/2013 và nộp tiền phạt ngày 07/4/2014.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2016/HSST, ngày 21/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P Thọ xử phạt Nguyễn Đăng K 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” và phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Nguyễn Đăng K chấp hành xong hình phạt tháng cải tạo không giam giữ ngày 18/01/2017 và nộp tiền án phí ngày 09/8/2016.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HSST, ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện H4, tỉnh P Thọ xử phạt Nguyễn Đăng K 04 tháng 02 ngày tù về tội “Đánh bạc”, phạt bổ sung số tiền 4.000.000đ và phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm (thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/02/2018, K được trả tự do tại toà). Nguyễn Đăng K nộp án phí ngày 08/5/2018 và nộp số tiền phạt bổ sung ngày 17/4/2023.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/11/2023 đến ngày 03/01/2024; hiện tại ngoại tại xã V, thị xã P Thọ, tỉnh P Thọ. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952

Trú tại: Khu 14, xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ. Có mặt.

2. Anh Vi Long H, sinh năm 1993

Trú tại: Khu 13, xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ. Vắng mặt.

* Người chứng kiến: Ông Bùi Kim X- sinh năm 1967

Trú tại: Khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 00 Pt ngày 12/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh P Thọ nhận được tố giác của quần chúng nhân dân về việc tại nhà ở của Vi Hữu T1, sinh năm 1984 ở khu 6, xã Đ, huyện T có một số đối tượng đang đánh bạc. Cơ quan CSĐT Công an huyện T phối hợp với Công an xã Đ, huyện T đến nhà ở của Vi Hữu T1, phát hiện 04 đối tượng tay cầm tiền chạy từ lán phía sau gian bếp ra phía sân nhà T1. Cơ quan CSĐT Công an huyện T yêu cầu các đối tượng chấp hành để làm việc thì có Vi Hữu T1 (chủ nhà); Nguyễn Quang P, sinh năm 1980, trú tại khu 14, xã Đ, huyện T và Nguyễn Đăng K, sinh năm 1973, trú tại khu A, xã V, thị xã P Thọ chấp hành ở lại để làm việc. T1, K, P đã giao nộp số tiền sử dụng để đánh bạc đang cầm trên tay khi bỏ chạy là 5.290.000đ. Còn lại 01 người không chấp hành, quá trình xác minh xác định là Vi Ngọc S, sinh năm 1971, trú tại khu 13, xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ.

Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã T1hành lập biên bản sự việc đối với T1, P và K. Ngoài số tiền 5.290.000đ các đối tượng đã giao nộp thì còn tạm giữ các đồ vật, tài sản gồm: 01 chiếc chiếu nhựa hình chữ nhật kích thước (2,05 x 1,50)m, 02 tấm thảm hình vuông có kích thước giống nhau (54 x 54)cm, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân đã qua sử dụng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 5 Plus gắn sim số 0377150999 và số tiền 2.110.000đ (của Vi Hữu T1); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7 gắn sim số 0979912535, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, biển kiểm soát 19H5-3889 và số tiền 2.000.000đ (của Nguyễn Quang P); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 gắn hai sim số 0834178573 và 0925066494, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Wave &, biển kiểm soát 19L1-1546, kiểm tra trong cốp xe mô tô có 01 chiếc ví giả da màu nâu bên trong ví có số tiền 8.300.000đ (của Nguyễn Đăng K); 01 đôi dép nhựa màu đen và 01 chiếc xe mô tô kiểu xe Prety biển kiểm soát 19H5- 7436 (của Vi Ngọc S).

Quá trình điều tra đã làm rõ như sau:

Khoảng 08 giờ 30 Pt, ngày 12/10/2023, Nguyễn Quang P ở nhà tại khu 14, xã Đ, huyện T đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7 gắn sim số 0979912535 của mình lần lượt gọi điện thoại cho Vi Ngọc S (số điện thoại 0984492844 lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone), Vi Hữu T1 (số điện thoại 0377150999 lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 5 Plus), Nguyễn Đăng K (số điện thoại 0925066494 lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105), để rủ đến nhà T1 đánh bạc. S và T đồng ý, còn K đang ở nhà nhưng do không để ý nên không biết P điện thoại. Vài Pt sau, thấy cuộc gọi nhỡ của P, K điện lại thì P rủ K đến nhà T1 đánh bạc, K đồng ý. Khoảng 10 giờ ngày 12/10/2023, S một mình điều khiển chiếc xe mô tô kiểu xe Prety biển kiểm soát 19H5- 7436 (của con trai S là anh Vi Long H) đến nhà T1, gặp T1 đang ở nhà một mình. Khi S và T1 ngồi tại phòng khách nhà T1 uống nước, nói chuyện thì P điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva biển kiểm soát 19H5- 3889 (của mẹ đẻ P là bà Nguyễn Thị S) đi đến. Được khoảng 05 - 10 Pt sau thì S, T1, P đi xuống lán để đồ ở phía sau gian bếp nhà T1. Thấy tại lán để đồ có chiếc chiếu nhựa và 02 tấm thảm nhưng nên P lấy chiếc chiếu nhựa trải ra nền lán rồi lấy 01 tấm thảm nhưng đặt ở giữa chiếc chiếu nhựa để đặt bài đánh bạc; còn T1 lấy 01 bộ bài tu lơ khơ 52 quân có sẵn tại chỗ ở của gia đình để ra chiếu nhựa. Sau đó P, T1, S ngồi xuống chiếu nhựa cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh sâm, được thua bằng tiền. P, T1, S đánh bạc cùng nhau được khoảng 01 giờ thì K điều khiển xe mô tô Honda Wave α, biển kiểm soát 19L1- 1546 đến nhà T1, ngồi xuống tham gia đánh bạc cùng T1, S, P. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi 4 người trên đang đánh bạc thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T và Công an xã Đ phát hiện. Khi bị phát hiện, do hoảng sợ nên cả 04 người cầm theo điện thoại di động và tiền trên chiếu bạc, chạy từ lán ra phía sân nhà T1. Khi Cơ quan CSĐT Công an huyện T yêu cầu những người trên chấp hành để làm việc thì T1, P, K chấp hành làm việc với Cơ quan điều tra và giao nộp số tiền sử dụng đánh bạc đã cầm trên chiếu bạc khi bỏ chạy, cụ thể: K giao nộp số tiền 500.000đ, T1 giao nộp 1.180.000đ, P giao nộp 3.610.000đ. Vi Ngọc S khai nhận trong khi bỏ chạy thì S cầm theo số tiền khoảng 100.000đ và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0984492844, tuy nhiên trên đường bỏ chạy S đã làm rơi mất số tiền và chiếc điện thoại này.

Những người chơi thống nhất đánh bạc dưới hình thức đánh Sâm, cụ thể như sau: Sử dụng bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài (từ quân A đến quân K) để đánh bạc, mỗi người chơi sẽ được chia 10 quân bài bất kỳ trong bộ bài, sau đó lên bài. Sau khi sắp xếp các quân bài xong người chơi có quyền được “báo Sâm” nhưng ưu tiên cho người chia bài được “Sâm” trước. “Sâm” là khi người chơi “báo Sâm” đánh hết được 10 quân bài của mình mà những người chơi còn lại không chặn được bất kỳ quân bài nào mà người “báo Sâm” đánh ra, lúc này mỗi người chơi sẽ phải trả cho người “Sâm” số tiền 300.000đ. Nếu người “báo Sâm” đánh bài mà một trong số những người chơi còn lại chặn được bài (bắt sâm) thì phải trả cho người đã chặn được bài của mình số tiền 900.000đ. Nếu người chia bài không báo sâm thì những người chơi còn lại được “báo Sâm” nhưng ưu tiên lần lượt cho những người ngồi theo vị trí ngược chiều quay kim đồng hồ với người chia bài. Nếu không có người nào “báo Sâm” thì người chia bài được đánh đầu tiên sau đó lần lượt đến người chơi ngồi ngược chiều quay kim đồng hồ được đánh bài, người

đánh sau phải đánh quân bài cao hơn quân bài của người đánh trước, nếu không ai chặn được thì đánh quân bài khác, đến khi trên tay chỉ còn lại 01 quân bài thì hô “báo”, lúc này người chơi ngồi cạnh theo vị trí ngược chiều quay kim đồng hồ của người hô “báo” phải đánh quân bài mạnh nhất của mình, mức độ mạnh của các quân bài giảm dần từ 2, A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3. Nếu có một người trong số những người chơi đánh hết các quân bài của mình thì ván bạc kết thúc, người đánh hết các quân bài sẽ được những người chơi còn lại trả số tiền tương ứng với các quân bài mỗi người chơi còn lại trên tay. Đối với mỗi 01 quân bài còn lại trên tay những người chơi sẽ phải trả cho người thắng ván bạc đó số tiền là 10.000đ. Trong quá trình đánh bạc nếu kết thúc ván bạc người chơi không đánh được bất kỳ quân bài nào trong tổng số 10 quân bài của mình thì bị “Treo” và phải trả cho người thắng ván bạc đó số tiền 200.000đ, nếu người chơi đánh quân bài 2 mà bị người khác chặn “Tứ Quý” (04 quân bài giống nhau) thì phải trả cho người chặn “Tứ Quý” số tiền 300.000đ. Người thắng ván bài trước được ưu tiên chia bài và được đánh bài đầu tiên ở ván bài tiếp theo. Do trong quá trình đánh bạc các đối tượng và người làm chứng đều không nhớ, vì vậy không xác định được ai là người chia bài đầu tiên và ai là người được đánh trước ván bài đầu tiên.

Về số tiền các đối tượng khai nhận sử dụng để đánh bạc như sau:

Nguyễn Quang P có số tiền 3.010.000đ, bỏ ra chiếu bạc 1.010.000đ để đánh bạc, còn lại số tiền 2.000.000đ để trong túi áo P khai nhận sử dụng để đánh bạc. Khi bị phát hiện, P cầm theo số tiền 3.610.000đ ở chiếu bạc và bỏ chạy, như vậy P đang thắng bạc được số tiền 2.600.000đ. Đã tạm giữ của P tổng số 5.610.000đ là tiền sử dụng để đánh bạc.

Vi Hữu T1 có số tiền 2.610.000đ, bỏ ra chiếu bạc 500.000đ để đánh bạc, còn lại số tiền 2.110.000đ để trong túi quần T1 khai nhận sử dụng để đánh bạc. Khi bị phát hiện, T1 cầm theo số tiền 1.180.000đ ở chiếu bạc và bỏ chạy, như vậy T1 đang thắng bạc 680.000đ. Đã tạm giữ của T1 tổng số 3.290.000đ là tiền sử dụng để đánh bạc.

Vi Ngọc S có số tiền khoảng 2.100.000đ sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi bị phát hiện, số tiền của S trên chiếu bạc còn khoảng 100.000đ và S đã cầm theo khi bỏ chạy, trên đường bỏ chạy S đã làm rơi mất số tiền này, như vậy S thua bạc số tiền khoảng 2.000.000đ.

Nguyễn Đăng K có số tiền 9.300.000đ, K bỏ ra chiếu bạc 1.000.000đ để đánh bạc. Số tiền còn lại là 8.300.000đ, K cất trong chiếc ví giả da màu nâu để trong cốp xe mô tô biển kiểm soát 19L1- 1546, không sử dụng để đánh bạc. Khi bị phát hiện, K cầm theo số tiền 500.000đ ở chiếu bạc và bỏ chạy, như vậy K đang thua bạc số tiền 500.000đ. Đã tạm giữ của K tổng số tiền 8.800.000đ, trong đó có 500.000đ là tiền sử dụng để đánh bạc, còn lại số tiền 8.300.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc.

Tại Bản cáo trạng số: 58/CT- VKS. TB ngày 29/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P Thọ đã truy tố Nguyễn Quang P, Vi Ngọc S, Vi Hữu T1, Nguyễn Đăng K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự: Tuyên bố: Các bị cáo: Nguyễn Quang P, Vi Ngọc S, Nguyễn Đăng K, Vi Hữu T1 phạm tội : “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ Luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Đăng K từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ Luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Quang P từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T nhận được quyết định thi hành án.

Buộc Nguyễn Quang P thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ Luật Hình sự: Xử phạt Vi Hữu T1 từ 25.000.000 đ đến 30.000.000đ, xử phạt Vi Ngọc S 20.000.000đ đến 25.000.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.400.000 đồng trong tổng số 17.700.000 đồng đã thu giữ.

- Tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 5 Plus, số Imei 1: 868771033938561, số Imei 2: 868771033938579 của Vi Hữu T1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, số Imei 1: 869604032857574, số Imei 2: 8699604032857566 của Nguyễn Quang P; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, số Imei 1: 357723114869692, số Imei 2: 35772314869700 của Nguyễn Đăng K.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 chiếc chiếu nhựa hình chữ nhật, kích thước (2,05 x 1,50)m, có các màu sắc xanh, đỏ, vàng, trắng, nâu đã qua sử dụng; 02 tấm thảm hình vuông có kích thước giống nhau (54 x 54)cm, họa tiết hoa văn đỏ, trắng, nâu; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại số 0377150999 của Vi Hữu T1;

+ Sim điện thoại số 0979912535 của Nguyễn Quang P;

+ Sim số 0834178573 và 0925066494 của Nguyễn Đăng K.

- Trả lại cho Nguyễn Đăng K 8.300.000 đồng (Tám triệu ba trăm nghìn đồng); 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu S xanh, số khung: 09067Y11619, số máy: HC09E521636, biển kiểm soát 19L1- 1546, xe cũ, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Vi Ngọc S 01 chiếc xe mô tô số loại PRETY (dán nhãn hiệu Honda, kiểu dáng loại xe Dream), màu S nâu; số khung: HK10001204343; số máy HK10001204343; biển kiểm soát 19H5- 7436; xe cũ, đã qua sử dụng và 01 đôi dép nhựa màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Nguyễn Quang P 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva 110, màu S xanh; số khung: BE42FVN108883; số máy E418VN108883; biển kiểm soát 19H5- 3889; xe cũ đã qua sử dụng.

- Xác nhận: Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho Nguyễn Đăng K 01 chiếc ví giả da màu nâu (Có biên bản lưu trong hồ sơ).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo: Nguyễn Quang P, Vi Ngọc S, Nguyễn Đăng K, Vi Hữu T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, các bị cáo: khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố; các bị cáo không tranh luận, không bào chữa.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Nguyễn Quang P: Do hám lợi, chơi bời nên phạm tội. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

- Bị cáo Vi Ngọc S: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

- Bị cáo Nguyễn Đăng K: Bị cáo rất hối hận, xin Tòa xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

- Bị cáo Vi Hữu T1: Bị cáo xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo: Nguyễn Quang P, Vi Hữu T1, Vi Ngọc S và Nguyễn Đăng K đều thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như Cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản sự việc do Cơ

quan CSĐT- Công an huyện T lập ngày 12/10/2023, các vật chứng, tài sản đã tạm giữ... và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

[3] Ngày 12/10/2023 tại nhà ở của Vi Hữu T1 ở khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ, các bị cáo: Nguyễn Quang P, Vi Hữu T1, Vi Ngọc S và Nguyễn Đăng K đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép, được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Sâm”; tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc được xác định là 9.400.000đ (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“ Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4]. Vi Hữu T1 đã sử dụng chỗ ở của mình để cùng những người khác đánh bạc, nhưng T1 không thu bất kỳ khoản tiền nào của những người tham gia đánh bạc và tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc tại nhà của T1 dưới 20.000.000 đồng, vì vậy T1 không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Đánh bạc.

[5]. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội ngày càng lây lan ở nhiều nơi, tới nhiều đối tượng trong xã hội. Vì vụ lợi, các bị cáo đã đánh bạc trái phép, sát phạt lẫn nhau. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng. Cần có một bản án nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

[6]. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7]. Xét về nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo:

Vi Hữu T1 đồng ý cho người khác cùng đánh bạc tại nhà mình, đồng thời cung cấp bộ bài tú lơ khơ là công cụ, phương tiện để đánh bạc. Vi Ngọc S và Vi Hữu T1 phạm tội lần đầu nên được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “người phạm tội thành khẩn khai báo”, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do T1, S có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với hai bị cáo, nhưng mức phạt đối với T1 cần cao hơn S.

Nguyễn Quang P là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc và là người lấy chiều, thăm tại nhà của T1, trải ra để cùng các bị cáo khác ngồi đánh bạc; vì vậy đối với P cần có hình phạt nghiêm khắc hơn S và T1. Nguyễn Quang P đã bị kết án về tội Đánh bạc, nhưng đã được xóa án tích. Bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “người phạm tội thành

khẩn khai báo”, quy định tại điểm s khoản 1 Bộ luật Hình sự và được áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do mẹ đẻ bị cáo là bà Nguyễn Thị S là người có công với Cách mạng, được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Xét thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với Nguyễn Quang P là phù hợp.

Hiện nay Nguyễn Quang P là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Vì vậy miễn khấu trừ thu nhập đối với P, nhưng cần buộc bị cáo thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Đăng K đã bị kết án về tội Đánh bạc, nhưng đã được xóa án tích. Bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “người phạm tội thành khẩn khai báo”, quy định tại điểm s khoản 1 Bộ luật Hình sự và được áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do có anh trai là liệt sĩ. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo là phù hợp.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do các bị cáo đều không có tài sản riêng có giá trị, hai bị cáo T1, S đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9]. Bà Nguyễn Thị S (mẹ đẻ bị cáo Nguyễn Quang P) là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva biển kiểm soát 19H5- 3889; anh Vi Long H (con trai bị cáo Vi Ngọc S) là chủ sở hữu chiếc xe mô tô kiểu xe Prety biển kiểm soát 19H5- 7436. Bà Sừu và anh Hải không biết bị cáo P, bị cáo S sử dụng xe mô tô của mình đi đánh bạc, vì vậy Cơ quan điều tra không xử lý đối với họ là phù hợp.

[10]. Về xử lý vật chứng:

- Trong tổng số tiền 17.700.000đ đã tạm giữ, có 9.400.000đ là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Còn lại số tiền 8.300.000đ tạm giữ của Nguyễn Đăng K (bị cáo để tiền trong ví, cất trong cốp xe mô tô, không sử dụng vào việc đánh bạc), vì vậy sẽ trả lại cho bị cáo.

- 01 chiếc chiếu nhựa hình chữ nhật, kích thước (2,05 x 1,50)m; 02 tấm thảm hình vuông có kích thước giống nhau (54 x 54)cm; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân và 04 sim điện thoại (trong đó sim số 0377150999 của Vi Hữu T1, sim số 0979912535 của Nguyễn Quang P, sim số 0925066494 của Nguyễn Đăng K các sử dụng để liên lạc rủ nhau đánh bạc; đối với sim số 0834178573 của Nguyễn Đăng K không liên quan đến việc đánh bạc, nhưng K không yêu cầu nhận lại) sẽ tịch thu tiêu huỷ vì không còn giá trị sử dụng.

- Các điện thoại đã thu giữ gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 5 Plus của Vi Hữu T1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7 của Nguyễn Quang P; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 của Nguyễn

Đặng K. Các bị cáo đã sử dụng các điện thoại nói trên để liên lạc, rủ nhau đánh bạc, vì vậy cần tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Vi Ngọc S mà S khai đã nhận cuộc gọi từ Nguyễn Quang P rủ đánh bạc, bị cáo đã làm rơi mất, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, vì vậy không xử lý. Bị cáo S còn khai, khi bỏ chạy khỏi nơi đánh bạc, có cầm theo một số tờ tiền lẻ, khoảng 100.000đ, bị cáo đã làm rơi mất. Vì vậy, không có căn cứ xác định chính xác để truy thu.

- Đối với 03 chiếc xe mô tô đã tạm giữ gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva biển kiểm soát 19H5- 3889 của bà Nguyễn Thị S; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α biển kiểm soát 19L1- 1546 của Nguyễn Đăng K; 01 chiếc xe mô tô kiểu xe Prety biển kiểm soát 19H5- 7436 của Vi Long H; 01 đôi dép nhựa màu đen của Vi Ngọc S sẽ trả lại cho các chủ sở hữu.

- 01 chiếc ví giả da màu nâu tạm giữ trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , biển kiểm soát 19L1- 1546 của Nguyễn Đăng K không liên quan đến việc phạm tội, trong giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho K là đúng quy định của pháp luật, cần xác nhận.

[11]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, về xử lý vật chứng, án phí đều phù hợp quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Về trách nhiệm hình sự:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự: Tuyên bố: Các bị cáo: Nguyễn Quang P, Vi Ngọc S, Nguyễn Đăng K, Vi Hữu T1 phạm tội : “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ Luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Đăng K 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Nguyễn Đăng K cho UBND xã V, thị xã P Thọ, tỉnh P Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ Luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Quang P 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T nhận được quyết định thi hành án.

Giao Nguyễn Quang P cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự. Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Buộc Nguyễn Quang P thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35 Bộ Luật Hình sự: Xử phạt Vi Hữu T1 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), xử phạt Vi Ngọc S 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.400.000 đồng (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 5 Plus, số Imei 1: 868771033938561, số Imei 2: 868771033938579 của Vi Hữu T1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, số Imei 1: 869604032857574, số Imei 2: 869604032857566 của Nguyễn Quang P; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, số Imei 1: 357723114869692, số Imei 2: 357723114869700 của Nguyễn Đăng K.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 chiếc chiếu nhựa hình chữ nhật, kích thước (2,05 x 1,50)m, có các màu sắc xanh, đỏ, vàng, trắng, nâu đã qua sử dụng; 02 tấm thảm hình vuông có kích thước giống nhau (54 x 54)cm, có nhiều họa tiết hoa văn đỏ, trắng, nâu; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại số 0377150999 của Vi Hữu T1;

+ 01 sim điện thoại số 0979912535 của Nguyễn Quang P.

+ 02 sim điện thoại: số 0834178573 và 0925066494 của Nguyễn Đăng K.

- Trả lại cho Nguyễn Đăng K 8.300.000 đồng (Tám triệu ba trăm nghìn đồng); 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu S xanh, số khung: 09067Y11619, số máy: HC09E521636, biển kiểm soát 19L1- 1546, xe cũ, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Vi Ngọc S 01 đôi dép nhựa màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị S 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva 110, màu S xanh; số khung: BE42FVN108883; số máy E418VN108883; biển kiểm soát 19H5- 3889; xe cũ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Vi Long H 01 chiếc xe mô tô số loại PRETY (dán nhãn hiệu Honda, kiểu dáng loại xe Dream), màu S nâu; số khung: HK10001204343; số máy HK10001204343; biển kiểm soát 19H5- 7436; xe cũ, đã qua sử dụng.

- Xác nhận: Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho Nguyễn Đăng K 01 chiếc ví giả da màu nâu (Có biên bản lưu trong hồ sơ).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo: Nguyễn Quang P, Vi Ngọc S, Nguyễn Đăng K, Vi Hữu T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P Thọ xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh P Thọ;
- Công an huyện T;
- Bị cáo; người có QL, NVLQ;
- UBND xã Đ;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS huyện T;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh P Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Minh Hòa